

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1156/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Mai Lan.
- Ông Nguyễn Văn Soan.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1480/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 328/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị Thu O, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Đức T, sinh năm 1983; trú tại: Số A đường P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tạ Thị Thu O trình bày:

Bà và ông Phạm Đức T tự nguyện quen biết và yêu thương nhau từ đến năm 2012 thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 2/2012 ngày 26 tháng 6 năm 2012. Lúc đầu, cuộc sống gia đình bà rất bình thường, nhưng thời gian sống chung trong gia đình đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa, bất đồng quan điểm về lối sống, về quan hệ xã hội, về tiền bạc khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được. Do phải chịu quá nhiều áp lực từ những bất đồng trong gia đình nên bà đã ly thân với ông T từ tháng 5/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Thu O yêu cầu ly hôn với ông Phạm Đức T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Tạ Hồng Á, sinh ngày 01/8/2013.

Tại Đơn khởi kiện, bà O yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/12/2023 bà O thay đổi yêu cầu như sau: Bà yêu cầu giao trẻ Á cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông Phạm Đức T và giấy triệu tập ông T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T vắng mặt. Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Tạ Thị Thu O vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Đức T, bà yêu cầu giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là: Phạm Tạ Hồng Á, sinh ngày 01/8/2013 và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Phạm Đức T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, do bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, bà O và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa, bất đồng quan điểm về lối sống, về quan hệ xã hội, về tiền bạc khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được. Do phải chịu quá nhiều áp lực từ những bất đồng trong gia đình nên bà đã ly thân với ông T từ tháng 5/2019 đến nay. Bà O cho rằng tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa nên bà O mong muốn được ly hôn với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải cho hai bên nhưng ông T1 không đến thể hiện ông T không tha thiết hàn gắn với

bà O. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tạ Thị Thu O. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị Thu O được ly hôn với ông Phạm Đức T; Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Tạ Hồng Ân, sinh ngày 01/8/2013 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Tạ Thị Thu O cho đến khi có yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Tạ Thị Thu O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Đức T, đây là quan hệ: “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Phạm Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 2/2012 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012, xác định hôn nhân giữa bà Tạ Thị Thu O và ông Phạm Đức T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Tạ Thị Thu O, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà O trình bày giữa bà và ông T không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, bà phải chịu quá nhiều áp lực từ những bất đồng trong gia đình về mọi mặt như về lối sống, về quan hệ xã hội, về tiền bạc nên không có hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà O và ông T đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Bà O và ông T đã ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía ông T, Tòa án đã triệu tập ông T tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà O và ông T hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông T vẫn không có mặt thể hiện ông T không có thiện chí giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà O.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O.

Về người trực tiếp nuôi con: Tại Đơn khởi kiện, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi con là trẻ trẻ Phạm Tạ Hồng Ân, sinh ngày 01/8/2013. Trong quá trình giải quyết

vụ án, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/12/2023, bà O thay đổi yêu cầu, bà yêu cầu giao trẻ A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, căn cứ vào Bản tự khai ngày 01/7/2024, trẻ Phạm Tạ Hồng A trình bày nguyện vọng được sống chung với ba. Mặt khác, hiện nay trẻ A đang sinh sống cùng với ông T nên để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của trẻ A, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà O, giao trẻ A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà O không cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà O cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà O phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Thu O được ly hôn với ông Phạm Đức T (Giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 2/2012 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012 không còn hiệu lực).

Về con chung: Ông Phạm Đức T là người được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Phạm Tạ Hồng A, sinh ngày 01/8/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Tạ Thị Thu O cho đến khi có yêu cầu.

Bà Tạ Thị Thu O có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Tạ Thị Thu O phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0012917 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Tạ Thị Thu O được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Đức T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- UBND phường Phước Long B, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Mộng Tuyền